

**CÔNG TY
CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01
đến ngày 30 tháng 06 năm 2013**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2013, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000 và thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh: kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;
- Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ;
- Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon-nhựa PVC;
- Gia công hàng dệt may;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Dịch vụ chuyển phát.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Loan	Ủy viên
Ông Trương Minh Long	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

1200
PH
P.H

Số: 14.124/BCSXHN-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 05 đến trang 31 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 0544-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		125.577.116.812	125.612.259.228
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	35.108.163.368	52.804.286.480
1. Tiền	111		27.461.648.459	43.389.286.480
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.646.514.909	9.415.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			620.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121			620.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	81.413.718.295	68.569.116.498
1. Phải thu khách hàng	131		61.007.626.356	46.275.808.840
2. Trả trước cho người bán	132		14.180.952.960	16.487.181.302
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		8.469.460.700	8.050.448.077
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.244.321.721)	(2.244.321.721)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.055.235.149	3.618.856.250
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.296.648.438	498.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.456.569	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.3)	5.725.130.142	3.120.356.250

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80.119.984.970	56.968.256.881
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		12.495.979.605	13.761.150.939
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	12.495.979.605	13.761.150.939
+ Nguyên giá	222		30.817.165.292	32.038.970.280
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.321.185.687)	(18.277.819.341)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.5)	66.965.688.882	42.394.371.802
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		66.239.538.882	41.668.221.802
3. Đầu tư dài hạn khác	258		726.150.000	726.150.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		658.316.483	812.734.140
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		210.892.483	371.310.140
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		447.424.000	441.424.000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.697.101.782	182.580.516.109

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.476.522.790	48.917.259.428
I. Nợ ngắn hạn	310		50.151.772.430	48.592.509.068
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.6)	27.095.158.579	21.974.716.464
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.6)	5.441.283.910	10.078.324.157
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.7)	5.887.264.944	3.373.013.950
5. Phải trả người lao động	315	(5.8)	3.038.961.305	7.433.529.020
6. Chi phí phải trả	316		2.991.074.819	1.887.494.160
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		1.098.344.250	1.264.892.694
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.9)	4.599.684.623	2.580.538.623
II. Nợ dài hạn	330		324.750.360	324.750.360
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		324.750.360	324.750.360
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155.220.578.992	133.663.256.681
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.10.1)	155.220.578.992	133.663.256.681
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.203.566.453	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.000.000.000	4.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(197.133.529)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(19.235.334)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.147.000.708	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		120.614.035	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.516.020.327	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.10.4)	51.449.746.332	34.713.256.681
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.697.101.782	182.580.516.109

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

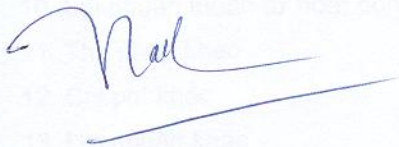
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ + USD		1.228.909,83	1.611.827,45
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

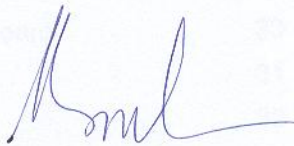
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH NAM



TRẦN THỊ BÌNH



NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

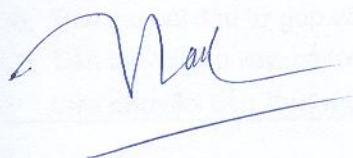
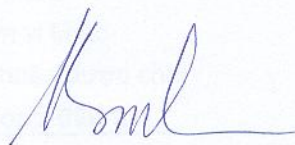
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		251.882.531.345	211.358.820.419
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	251.882.531.345	211.358.820.419
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	238.496.570.880	199.170.313.004
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.385.960.465	12.188.507.415
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	4.732.180.558	8.089.844.375
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	4.992.164.144	3.322.590.017
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	6.107.822.369	4.831.386.606
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.018.154.510	12.124.375.167
11. Thu nhập khác	31		454.545.455	
12. Chi phí khác	32		172.384.419	
13. Lợi nhuận khác	40		282.161.036	
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		7.042.981.309	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		14.343.296.855	12.124.375.167
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		1.816.107.802	2.055.012.204
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		12.527.189.053	10.069.362.963
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71			
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	72		12.527.189.053	10.069.362.963
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	80	(5.10.3)	1.392	1.119

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.343.296.855	12.124.375.167
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.596.805.810	1.532.248.377
Các khoản dự phòng	03			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.182.707.623)	(4.565.835.497)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		7.757.395.042	9.090.788.047
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.462.832.258)	(6.561.880.350)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(103.658.104)	2.449.488.206
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.447.495.830)	(234.463.449)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.313.340.362)	(3.815.662.076)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			191.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(736.262.000)	(1.549.396.779)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.306.193.512)	(430.126.401)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(691.563.864)	(138.799.090)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		454.545.455	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		620.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.899.983.500)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			855.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.273.507.296	7.925.835.497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.756.505.387	8.642.036.407

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

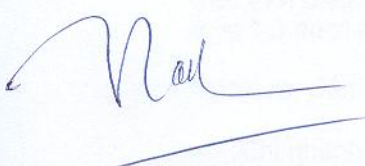
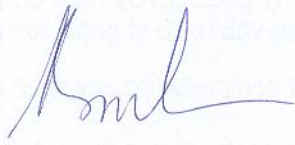
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.149.446.000)	(7.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.149.446.000)	(7.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(17.699.134.125)	1.011.910.006
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52.804.286.480	35.163.560.121
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.011.013	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		35.108.163.368	36.175.470.127

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Đại lý Vận Tải Và Gom Hàng thành Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2013, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con, được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

Ngoài ra, Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2013 Công ty còn có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000 và thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh: kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;
- Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ;
- Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon-nhựa PVC;

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Gia công hàng dệt may;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Dịch vụ chuyển phát.

1.3. Danh sách công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</u>
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Số 144, Đường 169, Sangket Veal Vong, Khan 7 Makara, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100%	100%

1.4. Danh sách Công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương Hà Nội	Số 2, Đường Bích Câu, Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội	24,12%	24,12%
2.	Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	29,28%	29,28%
3.	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina	Số 18A, Đường Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%
4.	Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Số 44, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	51,00%
5.	Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30, Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	49,00%
6.	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 145-147, Đường Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	33,33%	45,00%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - "Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất" để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại, báo cáo tài chính công ty con đã được đề cập tại mục 1.3 của Thuyết minh này và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và Công ty.

Các số dư và các giao dịch nội bộ đã được loại trừ. Tập đoàn có chính sách bán hàng không tạo ra lợi nhuận đối với công ty trong Tập đoàn.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất tối đa không quá 10 năm.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

- Công ty hạch toán tỷ giá hối đoái theo phương pháp tỷ giá hạch toán.
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được hợp nhất được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn và tài sản tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả ngắn hạn khác, chi phí phải trả và phải trả dài hạn khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.14. Số liệu so sánh

Vì đây là kỳ đầu tiên Tập đoàn lập báo cáo tài chính hợp nhất nên số liệu so sánh được lấy từ báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 và báo cáo tài chính riêng năm 2012 đã được kiểm toán của Công ty.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.516.815.904	1.852.134.389
Tiền gửi ngân hàng	25.944.832.555	41.537.152.091
Các khoản tương đương tiền	<u>7.646.514.909</u>	<u>9.415.000.000</u>
Tổng cộng	<u>35.108.163.368</u>	<u>52.804.286.480</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	61.007.626.356	46.275.808.840
Trả trước cho người bán	14.180.952.960	16.487.181.302
Các khoản phải thu khác	<u>8.469.460.700</u>	<u>8.050.448.077</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	83.658.040.016	70.813.438.219
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(2.244.321.721)</u>	<u>(2.244.321.721)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>81.413.718.295</u>	<u>68.569.116.498</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Khoản trả trước cho người bán chủ yếu là 2 khoản ứng trước sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.532.207 đồng.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai	7.396.356.080	7.396.356.080
Cổ tức, lợi nhuận được chia	915.568.000	-
Khác	<u>157.536.620</u>	<u>654.091.997</u>
Cộng	<u>8.469.460.700</u>	<u>8.050.448.077</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.3. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu là khoản tạm ứng cho nhân viên để làm hàng.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.082.292.806	2.148.489.070	20.193.011.461	1.615.176.943	32.038.970.280
Mua trong kỳ	-	14.272.727	392.755.000	284.536.137	691.563.864
Thanh lý, nhượng bán	-	(47.619.047)	(407.266.667)	-	(454.885.714)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(29.319.000)	(446.252.077)	(20.000.000)	(962.912.061)	(1.458.483.138)
Số dư cuối kỳ	8.052.973.806	1.668.890.673	20.158.499.794	936.801.019	30.817.165.292
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.761.917.498	1.108.967.959	10.192.061.550	1.214.872.334	18.277.819.341
Khấu hao trong kỳ	307.506.804	122.328.064	1.018.232.684	148.738.258	1.596.805.810
Thanh lý, nhượng bán	-	(47.619.047)	(237.572.230)	-	(285.191.277)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(29.319.000)	(383.393.435)	(20.000.000)	(835.535.752)	(1.268.248.187)
Số dư cuối kỳ	6.040.105.302	800.283.541	10.952.722.004	528.074.840	18.321.185.687
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.320.375.308	1.039.521.111	10.000.949.911	400.304.609	13.761.150.939
Tại ngày cuối kỳ	2.012.868.504	868.607.132	9.205.777.790	408.726.179	12.495.979.605

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.193.563.826 đồng.

5.5. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	42.793.375.476	27.800.700.000
Đầu tư vào công ty liên doanh	23.446.163.406	13.867.521.802
Đầu tư dài hạn khác	726.150.000	726.150.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	66.965.688.882	42.394.371.802
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	66.965.688.882	42.394.371.802

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 30/06/2013	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 30/06/2013
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương Hà Nội (Vinatrans Hà Nội)	1.320.000	13.200.000.000	21.126.218.327
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	6.558.473.649
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	1.510.868	<u>15.108.683.500</u>	<u>15.108.683.500</u>
Tổng cộng		<u>32.700.683.500</u>	<u>42.793.375.476</u>

Lý do thay đổi với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành: Công ty góp vốn theo tiến độ - xem thêm mục 7.

Đầu tư vào công ty liên doanh được chi tiết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 30/06/2013	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 30/06/2013
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	9.650.586.466
Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51,00%	3.680.051.500	4.388.723.936
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	49,00%	3.148.740.000	4.525.868.909
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45,00%	<u>2.130.300.000</u>	<u>4.880.984.095</u>
Tổng cộng		<u>13.867.521.802</u>	<u>23.446.163.406</u>

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	9,81%	<u>726.150.000</u>	9,81%	<u>726.150.000</u>
Tổng cộng		<u>726.150.000</u>		<u>726.150.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	27.095.158.579	21.974.716.464
Người mua trả tiền trước	<u>5.441.283.910</u>	<u>10.078.324.157</u>
Tổng cộng	<u>32.536.442.489</u>	<u>32.053.040.621</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	556.216.057	573.787.827
Thuế thu nhập doanh nghiệp	972.326.124	469.558.684
Thuế thu nhập cá nhân	171.907.635	100.743.235
Các loại thuế khác	<u>4.186.815.128</u>	<u>2.228.924.204</u>
Tổng cộng	<u>5.887.264.944</u>	<u>3.373.013.950</u>

5.8. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả.

5.9. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.580.538.623	3.235.490.623
Trích lập trong kỳ	2.729.408.000	3.738.940.000
Sử dụng trong kỳ	<u>(710.262.000)</u>	<u>(1.486.180.000)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>4.599.684.623</u>	<u>5.488.250.623</u>

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10. Vốn chủ sở hữu

5.10.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	90.000	4.950	3.000	-	-	-	-	-	26.785	124.735
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	26.226	26.226
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(13.500)	(13.500)
Tăng khác	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	1.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.797)	(4.797)
Số dư đầu năm nay	90.000	4.950	4.000	-	-	-	-	-	34.713	133.663
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	12.527	12.527
Lợi ích liên doanh, liên kết đầu kỳ phân bổ	-	253	1.000	(197)	(19)	2.147	120	1.516	15.139	19.959
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.200)	(7.200)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.729)	(3.729)
Số dư cuối kỳ	90.000	5.203	5.000	(197)	(19)	2.147	120	1.516	51.450	155.220

Đơn vị tính: Triệu đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10.2. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.10.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	12.527.189.053	10.069.362.963
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.392	1.119

5.10.4. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	34.713.256.681	26.784.766.403
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	12.527.189.053	10.069.362.963
Lợi ích liên doanh, liên kết đầu kỳ phân bổ	15.138.708.598	-
Chia cổ tức	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.313.929.000)	(3.200.140.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Khen thưởng Ban điều hành	(415.479.000)	(538.800.000)
Khác	-	(58.216.779)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	51.449.746.332	24.856.972.587

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu phòng hàng không	65.327.835.638	80.995.122.760
Doanh thu phòng đường biển	47.056.457.547	43.534.286.903
Doanh thu phòng logistics	27.605.048.160	24.768.418.206
Doanh thu phòng Hapag - Lloyd	-	1.189.736.360
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	90.768.678.797	46.696.968.126
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	20.904.718.205	14.174.288.064
Doanh thu Công ty con	219.792.998	-
Doanh thu thuần	251.882.531.345	211.358.820.419

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn phòng hàng không	61.446.315.275	75.942.744.855
Giá vốn phòng đường biển	44.176.747.469	41.723.998.021
Giá vốn phòng logistics	22.868.992.218	21.338.966.047
Giá vốn phòng Hapag - Lloyd	-	1.142.150.422
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	88.289.111.908	45.296.225.167
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	20.561.577.415	13.726.228.492
Doanh thu Công ty con	1.153.826.595	-
Tổng cộng	238.496.570.880	199.170.313.004

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	680.000.430	4.101.358.090
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.846.167.477	2.378.508.878
Lãi tiền gửi	174.874.866	464.477.407
Lãi từ bán cổ phiếu	-	1.145.500.000
Khác	31.137.785	-
Tổng cộng	4.732.180.558	8.089.844.375

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	2.434.045.613	2.090.865.393
Chi phí vật liệu	290.386.089	329.842.779
Chi phí đồ dùng văn phòng	139.586.653	80.332.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	282.153.378	189.294.995
Thuế, phí và lệ phí	192.150.051	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.090.293.612	1.649.638.139
Chi phí quản lý khác	679.206.973	487.412.619
Tổng cộng	6.107.822.369	4.831.386.606

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	18.311.850.484	17.948.542.898
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.596.805.810	1.532.248.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.525.670.338	164.988.458.062
Chi phí khác bằng tiền	19.170.066.617	19.532.450.273
Tổng cộng	244.604.393.249	204.001.699.610

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hà Nội
- Thành phố Hải Phòng

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	ĐVT: triệu đồng									
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	139.990	150.488	90.769	46.697	21.124	14.174	-	-	251.883	211.359
Giữa các bộ phận	55	-	-	-	1.580	-	(1.635)	-	-	-
Tổng cộng	140.045	150.488	90.769	46.697	22.704	14.174	(1.635)	-	251.883	211.359
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất										
Kết quả của bộ phận	4.733	5.509	2.479	1.401	66	448	-	-	7.278	7.358
Chi phí không phân bổ									-	-
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính và chi phí tài chính									7.278	7.358
Thu nhập tài chính									4.732	8.089
Chi phí tài chính									(4.992)	(3.323)
Lợi nhuận khác									282	-
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh									7.043	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(1.816)	(2.055)
Lợi nhuận sau thuế									12.527	10.069

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Các thông tin khác

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	162.669	161.096	24.813	22.012	26.650	7.186	(8.435)	(7.714)	205.697	182.580
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	162.669	161.096	24.813	22.012	26.650	7.186	(8.435)	(7.714)	205.697	182.580
Nợ phải trả của bộ phận	33.036	34.303	19.011	15.843	6.865	6.485	(8.435)	(7.714)	50.477	48.917
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	33.036	34.303	19.011	15.843	6.865	6.485	(8.435)	(7.714)	50.477	48.917

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản	14	124	-	-	677	15	-	-	691	139
Chi phí khấu hao	1.142	1.169	67	80	388	283	-	-	1.597	1.532

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các bên sau đây được xem là có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương Hà Nội (VNT Logistics)	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
5. Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này
Góp vốn - xem thêm mục 5.5.	4.899.983.500
Cung cấp dịch vụ	926.895.197
Sử dụng dịch vụ	1.133.184.520

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	146.000.000	406.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	<u>1.124.740.400</u>	<u>1.147.635.000</u>
Tổng cộng	<u>1.270.740.400</u>	<u>1.553.635.000</u>

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.108.163.368	52.804.286.480
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.678.872.635	44.031.487.119
Đầu tư ngắn hạn khác	-	620.000.000
Đầu tư dài hạn khác	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	467.424.000	441.424.000
Tổng cộng	95.980.610.003	98.623.347.599
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	28.042.346.050	21.974.716.464
Chi phí phải trả	2.991.074.819	1.887.494.160
Phải trả dài hạn khác	324.750.360	324.750.360
Tổng cộng	31.358.171.229	24.186.960.984

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Tập đoàn không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

- Rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	2.000,45	-	1.527.783,39	2.162.431,16

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản nợ và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	28.042.346.050	-	28.042.346.050
Chi phí phải trả	2.991.074.819	-	2.991.074.819
Phải trả dài hạn khác	-	324.750.360	324.750.360
01/01/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	21.974.716.464	-	21.974.716.464
Chi phí phải trả	1.887.494.160	-	1.887.494.160
Phải trả dài hạn khác	-	324.750.360	324.750.360

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

30/06/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.678.872.635	-	59.678.872.635
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	20.000.000	447.424.000	467.424.000
01/01/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.031.487.119	-	44.031.487.119
Đầu tư ngắn hạn khác	620.000.000	-	620.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	441.424.000	441.424.000

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 27 tháng 08 năm 2013.

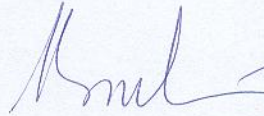
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN ANH NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN